

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 20/01/2026.

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệp.*

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Nguyễn Tấn Đạt

2. Bà: Nguyễn Thị Tuyết Vân

- *Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Việt là Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3 – tỉnh Gia Lai.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Bình – Kiểm sát viên.*

Ngày 20 tháng 01 năm 2026 - Tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – tỉnh Gia Lai, Toà án nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2025/TLST-HNGĐ ngày 30/10/2025 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/12/2025 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Kim O, sinh ngày: 16/5/1991 – Địa chỉ: Xóm 4, thôn Tân Hóa N, xã Hòa H, tỉnh Gia Lai;*

Số CCCD: 052191009343

-*Bị đơn: Anh Trần T, sinh ngày: 07/11/1988 – Địa chỉ: Xóm 4, thôn Tân Hóa N, xã Hòa H, tỉnh Gia Lai;*

Số CCCD: 052088013098

Nay chị O có mặt; anh T vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2025, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay - Nguyên đơn chị Trịnh Thị Kim O trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Chị O và anh Trần T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cát H, huyện Phù C, tỉnh Bình Định (Cũ) vào ngày 12/6/2009 (*Nay là Ủy ban nhân dân xã Hòa H, tỉnh Gia Lai*) - Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng cư trú tại thôn Tân Hóa N, xã Hòa H và đã có với nhau được 03 con chung. Tuy nhiên trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do không hiểu ý nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống; bất đồng trong nuôi dạy con cái cũng như về quan hệ xã hội, từ đó tình cảm vợ chồng cũng dần phai nhạt, hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 09/2025 dương lịch đến nay, chị đã về nhà cha mẹ ruột chị ở. Chị xác định không thể nào quay lại tiếp tục chung sống với anh T được nữa, vì tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần T.

-Về con chung: Chị và anh Trần T có 03 con chung gồm 02 trai, 01 gái nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung khi vợ chồng ly hôn.

-Về tài sản chung vợ chồng: Để vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Án phí ly hôn: Chị tự nguyện chịu theo quy định pháp luật.

**Tại bản tự khai ngày 30/10/2025 (BL: 16) và biên bản phiên họp, phiên hòa giải ngày 09/12/2025 (BL: 28, 30) - Bị đơn anh Trần T trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Trịnh Thị Kim O có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cát H, huyện Phù C, tỉnh Bình Định vào ngày 12/6/2009 (*Nay là Ủy ban nhân dân xã Hòa H, tỉnh Gia Lai*) - Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng có với nhau được 03 con chung. Trong quá trình chung sống thỉnh thoảng vợ chồng cũng có xảy ra bất đồng, lời qua tiếng lại nhưng theo anh mâu thuẫn không lớn, không đáng để vợ chồng phải bỏ nhau nhưng chị O lại ghim gút; mấy tháng nay chị O dẫn các con về nhà cha mẹ chị O sống. Nay chị O yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, anh mong muốn vợ chồng hàn gắn để nuôi các con.

. -Về con chung: Anh và chị O có 03 con chung, 02 trai, 01 gái. Về vấn đề nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

-Về phần thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị O; cho chị O được ly hôn anh Trần T. Về con chung và tài sản chung vợ chồng: Chị O, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Đề nghị HĐXX buộc chị O phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

**Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm có:*

+ Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Trịnh Thị Kim O – anh Trần T (bản chính); Căn cước công dân của chị Trịnh Thị Kim O và anh Trần T (bản phô tô – đã đối chiếu với bản chính); bản tự khai của chị O, anh T ngày 30/10/2025 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) nhận định:

[1] Xét nội dung vụ án:

[a] Xét yêu cầu của chị O yêu cầu được ly hôn anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị Trịnh Thị Kim O và anh Trần T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cát H, huyện Phù C, tỉnh Bình Định (Cũ) vào ngày 12/6/2009 (sau sáp nhập chính quyền nay là Ủy ban nhân dân xã Hòa H, tỉnh Gia Lai) - Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Căn cứ theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì Hôn nhân giữa chị O, anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị O và anh T đã có với nhau được 03 con chung. Tuy nhiên trong thời gian chung sống giữa chị O và anh T đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng, không hiểu ý nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống từ đó tình cảm vợ chồng dần rạn nứt. Chị O và anh T đã sống ly thân từ tháng 09/2025 dương lịch đến nay. Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án cũng đã kiên trì hòa giải để vợ chồng chị O, anh T hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị O một mực kiên quyết xin được ly hôn anh T, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị O, anh T đã thực sự đến mức trầm trọng, khó có thể khắc phục được nữa, mục đích hôn nhân là xây dựng hạnh phúc gia đình cũng không đạt được.

Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 – HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị O, cho chị O được ly hôn anh Trần T.

[b] Về quan hệ con chung và tài sản chung vợ chồng: Chị O, anh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung và tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[c] Án phí ly hôn: Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Buộc chị O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

**Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị về hướng giải quyết nội dung vụ án phù hợp với hướng nhận định của HĐXX nên được HĐXX chấp nhận.*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Kim O. Cho chị Trịnh Thị Kim O được ly hôn anh Trần T.

2. Về quan hệ con chung và tài sản chung giữa chị O, anh T: Chị O, anh T thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết hai quan hệ này nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Án phí ly hôn: Buộc chị O phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nộp *sung ngân sách Nhà nước*; chị O đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí khởi kiện tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004468 ngày 30/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai nên được khấu trừ, chị O đã nộp xong.

Án xử sơ thẩm công khai, chị O có mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày anh T nhận được bản án hợp lệ của Tòa hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hòa H – tỉnh Gia Lai nơi anh T cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 3 – Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Phòng T.H.A ds Khu vực 3 – Gia Lai;
- UBND xã Hòa H, tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diệp